

QUYỀN ĐƯỢC HOÀN THUẾ CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

*NGUYỄN TRUNG DƯƠNG**

Ngày nhận bài: 08/05/2019

Ngày phản biện: 27/05/2019

Ngày đăng bài: 10/01/2020

Tóm tắt:

Bài viết trình bày một số điểm bất cập trong quy định của pháp luật về quyền được hoàn thuế của người nộp thuế. Từ đó, đưa ra một số kiến giải nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật về vấn đề này.

Từ khóa:

Hoàn thuế, người nộp thuế.

Abstract:

This article aims at presenting some limitations in the regulations of laws on taxpayer's right to tax refund. Then, it suggests some legal solutions for further improvements of the laws on this issue.

Keywords:

Tax refund, taxpayer.

1. Đặt vấn đề

Quyền được hoàn thuế là một trong những quyền quan trọng, thuộc nhóm quyền về kinh tế của người nộp thuế. Đồng thời, đây cũng chính là nội dung thường phát sinh các tranh chấp trên thực tế giữa cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế, đặc biệt là đối với các sắc thuế trực thu như Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và Thuế thu nhập cá nhân (TNCN). Mặc dù quy định của pháp luật về hoàn thuế cũng như các thủ tục hành chính liên quan tới vấn đề này đã được cải thiện đáng kể trong những năm trở lại đây, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu và nguyện vọng của người nộp thuế trên thực tế. Bằng chứng là các doanh nghiệp vẫn “kêu trời” và “mỏi mòn” chờ tiền hoàn thuế. Bài viết đi vào phân tích những bất cập, hạn chế của pháp luật về hoàn thuế, từ đó đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện hơn nữa pháp luật về hoàn thuế tại Việt Nam.

Có rất nhiều cách hiểu khác nhau về hoàn thuế tùy thuộc vào góc độ nhìn nhận và mục đích của việc nghiên cứu. Nếu xét dưới góc độ là một nghiệp vụ thu thuế thì hoàn thuế là biện pháp kỹ thuật trong công tác hành thu; xét dưới góc độ kinh tế - tài chính, hoàn thuế là việc cơ quan quản lý thuế hoàn trả lại một phần hoặc toàn bộ số tiền mà người nộp thuế đã nộp trước đó¹. Còn nếu như xem xét dưới góc độ pháp lý thì hoàn thuế được hiểu là quyền của người nộp thuế được nhà nước trả lại một khoản tiền nhất định khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện do luật quy định².

* Giảng viên Khoa Luật Thương mại, Trường Đại học Luật Tp. Hồ Chí Minh; Email:ntduong@hcmulaw.edu.vn

¹ Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Luật thuế*, Nxb Hồng Đức, tr.468.

² Nguyễn Thị Thương Huyền (2001), “Hoàn thuế nhìn từ góc độ pháp lý”, *Tạp chí Luật học*, số 6, tr.28.

Trong quan hệ pháp luật thuế, nếu như nộp thuế là một nghĩa vụ pháp lý của người nộp thuế được xuất hiện trên cơ sở yếu tố luật định một cách khách quan thì hoàn thuế là một quyền pháp lý của đối tượng nộp thuế cũng được xuất hiện trên cơ sở yếu tố luật định một cách khách quan. Quan điểm này cần phải được khẳng định khi xem xét vấn đề hoàn thuế và cách tiếp cận hoàn thuế theo hướng là quyền hay nghĩa vụ của nhà nước.

Bởi lẽ, quan hệ pháp luật thuế có một điểm đặc thù để phân biệt với các quan hệ pháp luật khác là ngay từ khi ra đời nó đã là một quan hệ pháp luật. Tức có nghĩa là khi nhà nước muốn điều tiết thuế đối với các quan hệ lợi ích nhất định trong xã hội thì buộc nhà nước phải ban hành các quy định để hình thành và điều chỉnh các quan hệ trước, sau đó nhà nước mới có quyền tiến hành thu thuế. Do đó, thuế chỉ phát sinh trên cơ sở luật định, hay nói cách khác tất cả các hoạt động thu thuế, hoàn thuế phải được quy định trong văn bản pháp luật thuế.

Điều này đồng nghĩa với việc, nếu như vấn đề hoàn thuế không được quy định cụ thể, rõ ràng trong các văn bản quy phạm pháp luật thuế thì sẽ không làm phát sinh quyền pháp lý này của người nộp thuế, đồng thời cũng không có cơ sở để cơ quan thuế tiến hành ra quyết định hoàn thuế cho các chủ thể. Từ đó, dẫn tới một hệ quả tiêu cực trong quá trình thực hiện việc hoàn thuế là trên thực tế có sự nhầm lẫn rằng quyền được hoàn thuế của các chủ thể xuất hiện hay phát sinh trên cơ sở quyết định hoàn thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sự nhầm lẫn này có thể làm nảy sinh tư tưởng “ban phát”, “xin - cho” từ phía cơ quan quản lý thuế. Mà đã là ban phát, xin - cho thì tất yếu sẽ có “chạy chọt”, “bôi trơn” để được hoàn thuế từ phía người nộp thuế. Đây chính là điều kiện làm nảy sinh các tiêu cực trong quá trình quản lý thuế.

Do đó, việc tiếp cận hoàn thuế từ góc độ quyền của nhà nước hay nghĩa vụ của nhà nước là một vấn đề hết sức quan trọng. Nó đóng một vai trò mấu chốt trong việc quyết định đến hiệu quả của công tác hoàn thuế trên thực tế. Nếu hoàn thuế là quyền của cơ quan quản lý thuế thì chủ thể này muốn hoàn như thế nào, khi nào là quyền của họ. Còn nếu hoàn thuế được ghi nhận như là nghĩa vụ của nhà nước trong mối quan hệ đối ứng với quyền được hoàn thuế của người nộp thuế thì lúc này quyết định hoàn thuế của cơ quan thuế chỉ mang tính chất là một tuyên bố, xác nhận quyền hoàn thuế của người nộp thuế khi hội tụ đủ các điều kiện được hoàn thuế theo luật định. Lúc này, dưới góc độ là chủ thể có quyền được hoàn thuế, người nộp thuế có thể thực hiện một số hành vi cụ thể để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình như: yêu cầu cơ quan thuế phải thực hiện việc hoàn thuế khi đã đáp ứng đầy đủ các điều kiện pháp luật thuế quy định; trường hợp cơ quan thuế ra quyết định hoàn thuế không đúng, không kịp thời thì có quyền khiếu nại hành chính...

2. Thực trạng quy định về quyền được hoàn thuế của người nộp thuế

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về thời hạn hoàn thuế chưa phát huy hiệu quả trên thực tế do thiếu đi các ràng buộc về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế và công chức ngành thuế. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của người nộp thuế.

Một là, pháp luật thuế hiện hành mặc dù đã có những quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế trong việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ hoàn thuế và thời hạn hoàn thuế cho các tổ chức, cá nhân trong xã hội đối với một số loại thuế nhất định³. Ví dụ như Điều 59 Luật Quản lý thuế 2006 quy định cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế có nghĩa vụ tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế như sau: (i) Tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế được gửi tới theo các hình thức trực tiếp, qua bưu điện hoặc qua các giao dịch điện tử; (ii) Trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, nếu hồ sơ hoàn thuế chưa đầy đủ, cơ quan quản lý thuế phải thông báo cho người nộp thuế để hoàn chỉnh hồ sơ.

Khoản 18 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế quy định cơ quan quản lý thuế, công chức quản lý thuế có nghĩa vụ giải quyết hồ sơ hoàn thuế như sau: (i) Phân loại hồ sơ hoàn thuế; (ii) Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau thì chậm nhất là sáu ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế theo đề nghị của người nộp thuế; chuyển sang hình thức khác hoặc thông báo lý do không hoàn thuế; (iii) Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau thì chậm nhất là bốn mươi ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế, cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không hoàn thuế.

Tuy nhiên, vì thiếu đi các quy định ràng buộc trách nhiệm của các chủ thể quản lý nên đã dẫn đến tình trạng doanh nghiệp mặc dù đã hoàn thiện hồ sơ hoàn thuế cho cơ quan quản lý nhưng vẫn “mỏi mòn” chờ tiền hoàn thuế. Trong vụ việc Công ty cổ phần Tập đoàn Hoa Sen được hoàn 200 tỷ đồng tiền thuế vào đầu tháng 12/2017 sau khi tham dự buổi Hội nghị đối thoại doanh nghiệp lần 2 của Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính chiều ngày 4/12/2017 tại Thành phố Hồ Chí Minh và trình bày về những khó khăn của doanh nghiệp mình. Ông Vũ Văn Thanh - Phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính Tập đoàn Hoa Sen đã “than thở” rằng, doanh nghiệp mình đang bị ảnh hưởng lớn bởi việc chậm hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) hàng xuất khẩu. Từ tháng 11/2016 - 10/2017, Hoa Sen đã lần lượt nộp hàng loạt hồ sơ hoàn thuế với mức hoàn tổng cộng là 577 tỷ đồng. Cục Thuế Bình Dương đã kiểm tra đầy đủ và công ty cũng đã gửi hàng loạt công văn đi khắp nơi, từ Tổng Cục Thuế đến Chính phủ, nhưng vẫn không thấy hoàn thuế. “Nếu chưa được hoàn thì chúng tôi phải chịu lãi vay rất nặng. Số này là số đã nộp hồ sơ xin hoàn thuế thôi. Còn tổng cộng số tiền thuế được khấu trừ mà chúng tôi sẽ nộp hồ sơ tiếp, tính đến cuối tháng 9 năm nay là 1.200 tỷ. Lãi ngân hàng bây giờ là 8% mỗi năm. Do đó, tiền lãi vay thôi là 100 tỷ một năm”, ông Thanh trình bày⁴.

Xét về mặt bản chất, khi chậm hoàn thuế cho doanh nghiệp tức là cơ quan nhà nước đang chiếm dụng phần vốn của doanh nghiệp. Điều này đã gây ra không ít những khó khăn

³ Thông tư số 99/2016/TT-BTC và Thông tư số 31/2017/TT-BTC hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng.

⁴ <https://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/vi-mo/kien-nghi-2-phut-doi-duoc-200-ty-hoan-thue-3679736.html>, truy cập ngày 06/3/2018.

cho doanh nghiệp. Không được hoàn thuế đúng hạn, thiếu vốn, doanh nghiệp phải vay ngân hàng và phải trả lãi. Đây thực sự là một gánh nặng cho doanh nghiệp. Hậu quả của tình trạng này còn làm thui chột động lực kinh doanh, gây ức chế cho doanh nghiệp. Bởi mục đích của hoàn thuế là giảm bớt khó khăn về vốn và chi phí lãi vay cho doanh nghiệp, khuyến khích xuất khẩu và đầu tư mở rộng sản xuất. Chậm hoàn thuế, các mục tiêu trên không đạt được, doanh nghiệp phải làm con nợ bất đắc dĩ, có tiền mà vẫn là con nợ... Phản ánh về thủ tục hoàn thuế nhiều khi chưa bao giờ dứt, cái khó luôn được đẩy về người nộp thuế khiến nhiều người nhận định rằng thuế chỉ có vào chứ không có ra, hay lấy tiền của ông tài chính còn “khó hơn đi bộ trên mặt nước”⁵.

Hai là, cũng xuất phát từ việc pháp luật chưa có những quy định cụ thể về chế tài nên ngoài việc các cơ quan quản lý nhà nước về thuế kéo dài thời gian hoàn thuế cho doanh nghiệp thì còn là cơ hội để cho người nộp thuế và công chức quản lý thuế móc nối với nhau chiếm đoạt tiền hoàn thuế. Những vụ án lừa đảo, chiếm đoạt tiền hoàn thuế gần đây như: Vụ án Lê Thị Chi cùng đồng phạm⁶, vụ án Trần Hữu Thọ và đồng phạm⁷, vụ án Phạm Thanh Dũng và đồng phạm⁸ đã cho thấy tình trạng này đang diễn ra ngày càng phổ biến.

Ba là, bên cạnh việc chiếm dụng vốn của doanh nghiệp thì chậm hoàn thuế trong nhiều trường hợp còn làm “méo mó” những số liệu về thu - chi cũng như là một trong những nguyên nhân gây bội chi ngân sách. Bởi lẽ có hàng chục ngàn tỷ đồng tiền thuế do doanh nghiệp tạm nộp vào ngân sách nhưng vẫn được ghi vào “thu ngân sách” và tất nhiên sẽ dùng vào “chi ngân sách” nhưng thật ra khoản này phải trả lại cho doanh nghiệp.

Thứ hai, một quy định khác của pháp luật về hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) cũng gây ra không ít khó khăn cho các doanh nghiệp trong việc quay vòng vốn sản xuất kinh doanh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC⁹ thì kể từ ngày 01/7/2016 các cơ sở kinh doanh nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số

⁵ <https://tuoitre.vn/hoan-thue-20-nam-van-met-nhoai-1063561.htm> truy cập ngày 25/02/2018.

⁶ Được khởi tố ngày 8/3/2014, sau 4 lần bị trả hồ sơ điều tra bổ sung thì vụ án “Lê Thị Chi cùng đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt tiền hoàn thuế” đã được TAND tỉnh An Giang đưa ra xét xử ngày 28/9/2017. Trong vụ án này, Lê Thị Chi đã tiến hành mua bán 2.381 hóa đơn GTGT của 10 doanh nghiệp trong nước, rồi móc nối, chi tiền cho cán bộ hải quan, biên phòng cửa khẩu Khánh Bình ký xác nhận thủ tục, lập hồ sơ xuất khẩu hàng khống qua Campuchia nhằm chiếm đoạt tiền hoàn thuế, <https://tuoitre.vn/truy-to-122-bi-can-vu-gian-lan-tien-hoan-thue-vat-1086538.htm>, truy cập ngày 06/3/2018.

⁷ Vụ án được TAND tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vào hai ngày 28, 29/9/2015. Trong vụ án này, Trần Hữu Thọ và đồng phạm đã mua hóa đơn khống để chiếm đoạt 110 tỷ đồng tiền hoàn thuế của nhà nước. <https://tuoitre.vn/lanh-an-chung-than-do-chiem-doat-tren-74-ti-dong-tien-hoan-thue-980977.htm>, truy cập ngày 06/3/2018.

⁸ Vụ án được Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đưa ra xét xử sơ thẩm ngày 10/01/2017. Trong vụ án này, bị cáo Dũng và đồng phạm đã chi tiền cho các cán bộ Cục Thuế An Giang, Chi cục Thuế huyện An Phú để được giải quyết tiền hoàn thuế GTGT, chiếm đoạt 35,6 tỷ đồng. <https://tuoditre.vn/xet-xu-vu-lam-ho-so-khong-chiem-doat-tien-hoan-thue-1250086.htm>, truy cập ngày 06/3/2018.

⁹ Thông tư này hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế.

thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng, quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo mà không được hoàn thuế như trong quy định cũ tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC¹⁰. Theo các chuyên gia về thuế đánh giá thì quy định về hoàn thuế GTGT ngày càng bị siết chặt, doanh nghiệp sẽ càng khó khăn khi thiếu vốn để quay vòng sản xuất.

Thứ ba, vấn đề về hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa của người nước ngoài, mang theo khi xuất cảnh. Bản chất của thuế GTGT là một loại thuế điều tiết vào phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ từ khâu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng và mục đích hướng tới là nhằm điều chỉnh hành vi tiêu dùng, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ. Chính vì vậy, người tiêu dùng cuối cùng sẽ là người trả tiền thuế cho toàn bộ các khâu trước đó. Đồng thời, thuế GTGT là một loại thuế nội địa, do đó nếu hàng hóa không được tiêu dùng, sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam thì sẽ không phải nộp thuế GTGT hay được hoàn lại phần tiền thuế GTGT đã cấu thành trong giá bán của hàng hóa đó suốt từ khâu sản xuất cho tới lưu thông.

Mặc dù vấn đề hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh đã được quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC, tuy nhiên trên thực tế hiệu quả của việc hoàn thuế này là chưa cao. Vương mắc chủ yếu được ghi nhận từ phía các doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế trong việc lập hóa đơn GTGT kiêm tờ khai hoàn thuế không đầy đủ, rõ ràng dẫn tới khó khăn cho cơ quan Hải quan trong việc xác định số thuế được hoàn... Bên cạnh đó, cũng ghi nhận một số nguyên nhân khác như việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài của cơ quan Hải quan chưa được thực hiện tốt hay chưa có quy định cụ thể về hàng hóa được hoàn thuế (ví dụ: là hàng mới hay hàng đã qua sử dụng)... Chưa có quy định cụ thể về hàng hóa được hoàn thuế cũng là một trong những nguyên nhân làm cho việc hoàn thuế đối với hàng hóa.

3. Một số kiến nghị

Từ những phân tích nêu trên, tác giả đề xuất một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, bên cạnh các quy định mang tính chất chung về vấn đề hoàn thuế như quyền và nghĩa vụ của cơ quan quản lý thuế và người nộp thuế thì Luật Quản lý thuế phải chi tiết hóa các nghĩa vụ của cơ quan thuế theo hướng tiếp cận hoàn thuế là một nghĩa vụ của cơ quan thuế trong mối quan hệ đối ứng với quyền được hoàn thuế của người nộp thuế.

Đi kèm với đó là các quy định về chế tài mang tính chất ràng buộc trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về thuế, công chức quản lý thuế nhằm tạo một cơ chế hiệu quả đảm bảo cho việc thực thi quyền được hoàn thuế của người nộp thuế. Thông qua đó, hạn chế tình trạng chậm thực hiện việc hoàn thuế gây ảnh hưởng tới quyền lợi của người nộp thuế. Bởi lẽ trên thực tế, có rất nhiều trường hợp mặc dù người nộp thuế đã nộp đủ hồ sơ hoàn thuế tuy nhiên cơ quan thuế vẫn cố tình không giải quyết đúng hạn, gây ra những thiệt hại không nhỏ cho người nộp thuế nhưng lại không phải chịu bất cứ chế tài nào. Điều này đã tạo ra những

¹⁰ Thông tư này hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

bức xúc không đáng có, những mâu thuẫn và nhiều trường hợp sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý thuế của cơ quan nhà nước.

Thứ hai, một trong những nhiệm vụ để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn là việc hoàn thiện quy định của pháp luật cũng như công tác tuyên truyền phổ biến chính sách hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài. Đồng thời, nhằm đảm bảo quyền của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài khi mang theo hàng hóa xuất cảnh - tức không tiêu dùng, sử dụng trên lãnh thổ Việt Nam, pháp luật cần hoàn thiện các quy định về hoàn thuế liên quan tới nhóm đối tượng này.

Một là, quy định một cách cụ thể và minh thị các trường hợp được hoàn thuế cũng như loại hàng hóa được hoàn thuế GTGT khi xuất cảnh.

Hai là, quy định chi tiết quyền và nghĩa vụ của các doanh nghiệp tham gia bán hàng hoàn thuế, cần có chế tài xử lý đối với trường hợp doanh nghiệp không tham gia cập nhật thông tin gửi đến cơ quan Hải quan. Như vậy, mới có thể tạo ra cơ chế hiệu quả cho việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh.

Điều chỉnh quy định của pháp luật kết hợp với việc các cục hải quan địa phương nơi thực hiện hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng thương mại và Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam trong việc tuyên truyền, quảng bá việc hoàn thuế GTGT đến khách du lịch là người nước ngoài, hướng dẫn khách nước ngoài đến các quầy hoàn thuế để hoàn thuế kịp thời gian trước giờ lên máy bay,... sẽ góp phần đem lại hiệu quả cao hơn cho công tác hoàn thuế, đảm bảo quyền lợi cho các chủ thể này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh (2017), *Giáo trình Luật Thuế*, Nxb Hồng Đức.

2. Nguyễn Thị Thương Huyền (2001), “Hoàn thuế nhìn từ góc độ pháp lý”, *Tạp chí Luật học*, số 6, tr.28.

3. Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng.

4. Thông tư số 31/2017/TT-BTC ngày 18/4/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 99/2016/TT-BTC ngày 29/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng.

5. Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế.

6. Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.